

**DANH SÁCH CÁC THỪA ĐẤT**

*(Kèm theo Thông báo số 58 /TB-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2025, của UBND xã Lợi Bắc)*

| STT | Theo mảnh trích đo |                |                 |          |                        |                  | Theo bản đồ địa chính |                 |         |                        |                  |
|-----|--------------------|----------------|-----------------|----------|------------------------|------------------|-----------------------|-----------------|---------|------------------------|------------------|
|     | Mảnh trích đo      | Tờ bản đồ (cũ) | Tờ bản đồ (mới) | Thửa đất | Diện tích thu hồi (m2) | Mã hiệu thửa đất | Tờ bản đồ (cũ)        | Tờ bản đồ (mới) | Số thửa | Diện tích thu hồi (m2) | Mã hiệu thửa đất |
|     |                    |                |                 |          | <b>4.164,0</b>         |                  |                       |                 |         | <b>4.164,0</b>         |                  |
| 1   | 02-2019            | 6              | 310             | 28       | 1250,0                 | LUC              | 6                     | 310             | 28      | 1.250,0                | LUC              |
| 2   | 02-2019            | 6              | 310             | 20       | 1087,0                 | LUC              | 6                     | 310             | 20      | 1.087,0                | LUC              |
| 3   | 02-2019            | 6              | 310             | 19       | 713,0                  | LUC              | 6                     | 310             | 19      | 713,0                  | LUC              |
| 4   | 02-2019            | 6              | 310             | 351      | 521,0                  | BHK              | 6                     | 310             | 351     | 521,0                  | BHK              |
| 5   | 02-2019            | 6              | 310             | 59       | 226,0                  | LUC              | 6                     | 310             | 59      | 226,0                  | LUC              |
| 6   | 02-2019            | 6              | 310             | 58       | 367,0                  | LUC              | 6                     | 310             | 58      | 367,0                  | LUC              |